

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 11 – 2021

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bạch Phiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Trí;

2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Bích K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 112B, khóm A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lê Phát Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 440, ấp C, xã D, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bích K trình bày:*

Chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào ngày 08, 09 tháng 02 năm 2015 âm lịch, có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2015, tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. Trước

khi kết hôn, anh chị không có quen biết, tìm hiểu trước, mà thông qua mai mối anh chị mới kết hôn. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng tháng 5 năm 2017, sau khi chị K sinh con thì chị và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do anh Đ đi làm không đưa tiền để chị K lo cho con và làm chi phí sinh hoạt cho gia đình; Mà chi phí nuôi con và sinh hoạt trong gia đình đều do chị K lo, chị và anh Đ thường xuyên cãi nhau về vấn đề này, chị có khuyên anh Đ nhiều lần đi làm đưa tiền cho chị để chị lo cho con và gia đình, nhưng anh Đ không nghe, nói tiền làm không đủ anh Đ xài, không đưa tiền cho chị nuôi con và lo cho gia đình. Đến ngày 22 tháng 12 năm 2018, chị K và anh Đ cãi nhau về việc anh Đ không đưa tiền cho chị K nuôi con và lo cho gia đình, thì anh Đ bỏ nhà đi về sống tại nhà cha mẹ ruột của anh Đ tại ấp C, xã D, huyện B, tỉnh Đồng Tháp, không sống chung với chị K cho đến nay. Từ đó đến nay, anh Đ và chị không có hàn gắn với nhau, anh Đ không có tới lui thăm con. Hiện nay, chị K không còn tình cảm với anh Đ, không muốn hàn gắn để đoàn tụ.

Chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ có 01 con chung tên Lê Tấn P, sinh ngày 11/5/2017. Từ lúc vợ chồng chị ly thân cho đến nay, cháu P sống với chị K tại số nhà 112B, khóm A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Thị Bích K yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích K yêu cầu ly hôn với anh Lê Phát Đ.
- Về con chung: Chị Lê Thị Bích K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Tấn P đến khi cháu P thành niên, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Phát Đ không có ý kiến trình bày.*

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích K: Cho chị Lê Thị Bích K được ly hôn với anh Lê Phát Đ; Giao cháu Lê Tấn P, sinh ngày 11/5/2017, cho chị Lê Thị Bích K được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên; Anh Lê Phát Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 15/3/2021 của chị Lê Thị Bích K (bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Lê Thị Bích K (bản sao có chứng thực).
- Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Lê Phát Đ và chị Lê Thị Bích K (bản chính).
- Trích lục khai sinh cháu Lê Tấn P (bản sao).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).
- Biên bản xác minh ngày 03/6/2021 (bản chính).
- Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/6/2021 (bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Phát Đ cư trú tại ấp C, xã D, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị Bích K vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, anh Lê Phát Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ đăng ký kết hôn ngày 10/8/2015, tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Bích K xác định: Trong thời gian chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ chung sống với nhau thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, vợ chồng hay cãi vã, do mâu thuẫn vấn đề anh Đ đi làm không đưa tiền cho chị làm chi phí nuôi con và sinh hoạt trong gia đình. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, chị K không còn tình cảm với anh Đ. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018

cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh chị không có hàn gắn. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Bích K đối với anh Lê Phát Đ là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ lúc chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ ly thân cho đến nay, cháu Lê Tấn P, sinh ngày 11/5/2017 sống với chị K. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu P. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của cháu, đảm bảo cho cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần. Nên cần tiếp tục giao cháu P cho chị K được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Bích K không yêu cầu anh Lê Phát Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Bích K xác định chị và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Đ, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí:

Chị Lê Thị Bích K phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích K.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích K được ly hôn với anh Lê Phát Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lê Tấn P, sinh ngày 11/5/2017 cho chị Lê Thị Bích K được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên.

Anh Lê Phát Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Lê Thị Bích K không yêu cầu.

Chị Lê Thị Bích K và anh Lê Phát Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Lê Phát Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- Về án phí:

Chị Lê Thị Bích K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0011246 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Lê Thị Bích K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Phát Đ không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND thị trấn B;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bạch Phiến**